

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 508/2024/HS-PT
Ngày: 23-10-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tồn
Các Thẩm phán: Ông Trần Đức Kiên
Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 434/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Trần Văn T** và các bị cáo khác bị xét xử về tội “Giết người”.

Do có kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn T, Đỗ Văn N, Huỳnh Tấn B, Hồ Thanh T1, Hồ Thanh V, Võ Quốc T2, Nguyễn Hữu N1**; đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1955/2024/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024.

Các bị cáo có (bị) kháng cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 13/10/1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Minh N2** và bà **Cao Thị L**; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 23/9/2022, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 406/2022/HSPT.

Nhân thân: Ngày 18/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án phúc thẩm số 91/2016/HSPT, bị cáo chấp hành xong ngày 28/5/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

2. **Đỗ Văn N**, sinh ngày 26/5/1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ A** và bà **Võ Thị L1**; chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 11/7/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 28/2022/HSST.

Nhân thân: Ngày 18/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án phúc thẩm số 91/2016/HSPT, bị cáo chấp hành xong ngày 28/5/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, có mặt tại phiên tòa.

3. **Huỳnh Thanh T3**, sinh ngày 26/7/1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Huỳnh N3** và bà **Đỗ Thị K**; đã có vợ và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/12/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án sơ thẩm số 123/2015/HSST, bị cáo chấp hành xong ngày 02/4/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

4. **Trương T4**, sinh ngày 25/5/1994 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Đ** và bà **Đỗ Thị L2**; đã có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 13/8/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ về tội gì “Trộm cắp tài sản” theo Bản án sơ thẩm số 330/2014/HSST, bị cáo đã chấp hành xong.

- Ngày 18/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án phúc thẩm số 91/2016/HSPT, bị cáo chấp hành xong ngày 28/02/2017.

- Ngày 13/6/2019, bị Ủy ban nhân dân thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép” bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong ngày 10/7/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. **Huỳnh Tấn B**, sinh ngày 10/02/1996 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Huỳnh T5** và bà **Nguyễn Thị X**; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 19/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

6. **Đỗ Quốc B1**, sinh ngày 22/12/1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Ngọc T6** và bà **Lê Thị Kim Á**; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. **Trương Thái B2**, sinh ngày 23/5/1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương C** và bà **Lê Thị G (c)**; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án phúc thẩm số 91/2016/HSPT, bị cáo chấp hành xong ngày 28/02/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**, có mặt tại phiên tòa.

8. **Hồ Thanh T1**, sinh ngày 29/9/1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hồ Thanh T7** và bà **Huỳnh Thị D**; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an thành phố Q**, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Hải Ngọc L3, sinh ngày 01/10/1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn D1** và bà **Huỳnh Thị Kim A1**; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 19/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Võ Đức N4, sinh ngày 10/3/1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ M (c)** và bà **Hồ Thị L4**; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù theo Bản án phúc thẩm số 91/2016/HSPT, bị cáo chấp hành xong ngày 28/02/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

11. Trần Trương Văn T8, sinh ngày 06/6/2005 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương H** và bà **Trần Thị B3**; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/4/2021, bị **Công an thành phố Q** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau” bằng hình thức phạt cảnh cáo theo Quyết định số 56/QĐ-XPHC ngày 26/4/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 08/6/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

12. Võ Quốc T2, sinh ngày 24/4/2004 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Xuân H1** và bà **Nguyễn Thị N5**; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/9/2021, bị **Ủy ban nhân dân thành phố Q** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.250.000 đồng theo Quyết định số 536/QĐ-XPHC ngày 20/9/2021; bị cáo đã chấp hành xong ngày 11/10/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

13. Hồ Thanh V, sinh ngày 23/9/1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: **Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; chỗ ở hiện nay: **Thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hồ Thanh L5** và bà **Trần Thị Ngọc D2**; đã vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

14. Đặng Văn M1, sinh ngày 18/12/1996 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng N6** và bà **Phạm Thị P**; vợ: **Lê Thị Hồng H2**, có 01 con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

15. Nguyễn Hữu N1, sinh ngày 17/02/1991 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Hữu S** và bà **Cao Thị C1**; đã có vợ và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

1. Người bào chữa theo luật định cho các bị cáo **Đặng Văn M1, Võ Đức N4**: Ông **Nguyễn T9** – Luật sư **Văn phòng L10**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **Số D, đường V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

2. Người bào chữa theo luật định cho các bị cáo **Hồ Thanh V, Nguyễn Hải Ngọc L3**: Ông **Trần Quang H3** – Luật sư **Văn phòng L11**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **Số B, đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

3. Người bào chữa theo yêu cầu cho các bị cáo **Huỳnh Thanh T3, Trần Văn T, Hồ Thanh T1, Huỳnh Tấn B**: Luật sư **Nguyễn Ngọc L6** – **Văn phòng L12** (Chi nhánh số 1 **Văn phòng L12**), **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **B P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**, có mặt.

4. Người bào chữa theo luật định cho bị cáo **Võ Quốc T2**: Ông **Nguyễn Tân L7** – Luật sư Văn phòng luật sư **T10** và Cộng sự, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **Số A, đường P, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

5. Người bào chữa theo yêu cầu cho các bị cáo **Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Hữu N1**: Ông **Vy Quý V1** – Luật sư **Công ty L13**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **Tầng C, Lô N- 03 Khu A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.

6. Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo **Hồ Thanh V**: Ông **Phạm Lý H4** – Luật sư **Văn phòng L14**, thuộc **Đoàn luật sư thành phố Đ**. Địa chỉ: **Số A N, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

7. Người bào chữa theo luật định cho các bị cáo **Trần Văn T, Đỗ Quốc B1, Trần Trương Văn T8**: Ông **Nguyễn Công T11** – Luật sư Văn phòng **Nguyễn Công T11**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **Tổ dân phố L, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

8. Người bào chữa theo luật định cho bị cáo **Đỗ Văn N**: Bà **Nguyễn Thị Bích T12** – Luật sư **Văn phòng L15**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**, có mặt.

9. Người bào chữa theo luật định cho các bị cáo **Hồ Thanh T1, Huỳnh Tấn B**: Bà **Bùi Thị S1** – Luật sư **Văn phòng L15**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Cùng địa chỉ: **Số B L, tổ C, Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

10. Người bào chữa theo luật định cho các bị cáo **Trương Thái B2, T**: Ông **Nguyễn Thanh K1** - Luật sư **Công ty L16**, thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **Hẻm C đường B, tổ A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, có mặt.

11. Người bào chữa theo yêu cầu cho các bị cáo **Trần Văn T, Huỳnh Tấn B**: Luật sư **Nguyễn Thị Thanh H5** – **Văn phòng L12** (Chi nhánh số 1 **Văn phòng L12**), **Đoàn luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **B P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại: Anh **Nguyễn Hà N7**, sinh năm 2000 (Đã chết).

Đại diện theo pháp luật của anh **Nguyễn Hà N7**: Ông **Nguyễn Y**, sinh năm 1976 (vắng mặt); bà **Phan Thị Kim L8**, sinh năm 1978 (có mặt). Địa chỉ: **Xóm C, thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp:

Luật sư **Ngô Văn D3** – **Văn phòng L17** - Chi nhánh tại **Đà Nẵng**, **Đoàn luật sư thành phố Đ**. Địa chỉ: **C P, quận S, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

Luật sư **Dư Ngọc T13**, **Công ty L18**, **Đoàn luật sư thành phố Đ**. Địa chỉ: **Số E T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: vắng mặt.

1. Ông **Phạm N8**, sinh năm 1967. Địa chỉ: **Đ, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

2. Anh **Nguyễn H6**, sinh năm 1991. Địa chỉ: **Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.
3. Anh **Nguyễn Hữu B4**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi**.
4. Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **Đ, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên ông **Phạm N8** nhờ **Nguyễn Hà N7** đi đòi nợ số tiền 5.000.000 đồng mà **Nguyễn H6** đã nợ của ông **N8** trước đó thì **N7** đồng ý. Chiều ngày 19/01/2023, nhóm của **Nguyễn Hà N7** gồm 07 đối tượng đi trên 02 xe ô tô loại 7 chỗ ngồi và 4 chỗ ngồi đến nhà ông **Phạm N8**, rồi cùng với ông **N8** đến nhà của **Nguyễn H6** để đòi nợ. Lúc này, nhà **H6** đang tổ chức tiệc tất niên cuối năm. Khi thấy ông **N8** đến nên **H6** gọi điện thoại cho **Huỳnh Thanh T3** đến nhà **H6** để nói chuyện (vì trước đó **H6** nói với ông **N8** là đã trả số tiền 5.000.000 đồng cho ông **N8** thông qua **T3**). Thời điểm này, **T3** đang dự tất niên tại nhà **Hồ Thanh T1** nên khi nghe điện thoại xong, **T3** nói lại cho cả bàn tiệc nghe, rồi đi ra ngoài, mở cốp xe lấy 01 con dao Thái Lan mang theo trong người và cùng **Trương T4, Đỗ Văn N** đi bộ đến nhà **H6** đuổi đánh ông **N8**. Tại đây, **T3** cầm dao đuổi đánh ông **N8** nhưng không đánh được, ông **N8** bỏ chạy vào trong nhà **H6** để trốn và điện báo **Công an xã T** đến làm việc, nhóm của **N7** bỏ đi khỏi nhà **H6**.

Sau khi sự việc xảy ra ở nhà **Nguyễn H6**, **T3** cùng với **Trương T4, Đỗ Văn N** quay lại nhà **Hồ Thanh T1** để nhậu tiếp. Còn nhóm của **N7** tập trung tại ngã ba công chào **thôn A và đường H** gọi xe taxi để quay lại **huyện N** nhưng vì xe taxi không đủ chỗ nên **N7** và **Nguyễn Hữu B4** đứng chờ xe khác thì **Trần Văn Q** thấy nhóm của **N7** nên đã điện thoại nói với **T3**: “Nhóm hồi nãy đang tập trung ở gần **quán M3**”. Nghe vậy, **T3** rủ cả nhóm gồm: **Hồ Thanh T1, Huỳnh Thanh T3, Trương T4, Đỗ Văn N, Trần Trương Văn T8, Võ Đức N4, Huỳnh Tấn B, Võ Quốc T2, Đỗ Quốc B1, Trần Văn T, Nguyễn Hải Ngọc L3, Trương Thái B2, Hồ Thanh V** và **Nguyễn Hữu N1** đi tìm nhóm **N7** để đánh thì cả nhóm đồng ý. **T8** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sonic, biển số 76B1-569.44 chở **T, N** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH biển số 76B1-220.56 chở **N1** và **Đỗ Quốc B1, T1** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario biển số 76B1-673.73 chở **N4, T2** điều khiển xe

mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 76X8-1941 chở T3, Trương Thái B2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario biển số 7681-690.79 chở B và V. Sau đó, Đặng Văn M1 đang điều khiển xe mô tô 76B1-723.12 đi ngang qua nhà T thì T4 gọi lại nhờ M1 chở đi công việc thì M1 đồng ý chở T4 và L3; trên đường đi, L3 nói cho M1 biết việc đi tìm nhóm đòi nợ để đánh thì M1 đồng ý và tiếp tục chở T4 và L3 đi đánh nhau.

Quá trình đi chia tách làm hai nhóm: Nhóm đi trước gồm T1, N4, M1, T4 và L3; nhóm đi sau gồm Trương Thái B2, Đỗ Quốc B1, T3, T2, T8, T, N1, N, B và V.

Đi đến tiệm tạp hóa “T”, nhóm đi sau dừng lại lấy 03 thùng vỏ chai bia nhãn hiệu “Bia V2” (xe của T3 chở 01 thùng; xe của N chở 01 thùng, xe của T8 chở 01 thùng). Nhóm đi trước đến ngã ba cổng chào và đường H thì thấy Nguyễn Hà N7 và Nguyễn Hữu B4 lúc này đang đứng ở vỉa hè phía Nam đường H chờ xe taxi. Thấy nhóm T3 thì B4, N7 bỏ chạy dọc theo vỉa hè phía Nam đường H theo hướng Tây (hướng về trung tâm thành phố Q) rồi chạy xuống đường đất dưới vỉa hè, N7 chạy trước còn B4 chạy sau thì nhóm đi trước quay xe đuổi theo. Đồng thời lúc này nhóm đi sau cũng tập hợp cùng nhóm đi trước rồi cả nhóm điều khiển xe mô tô đuổi theo N7 và B4. Cả nhóm đi đuổi được một đoạn khoảng 100 mét thì dừng xe lại, lúc này nhóm T3 chia làm hai nhóm:

Nhóm thứ nhất gồm: Huỳnh Thanh T3, Trương T4, Võ Quốc T2, Trần Trương Văn T8, Huỳnh Tấn B, Nguyễn Hải Ngọc L3, Hồ Thanh V, Trương Thái B2, Đỗ Văn N, Đỗ Quốc B1, Hồ Thanh T1, Nguyễn Hữu N1 và Trần Văn T chạy bộ băng từ vỉa hè phía Bắc đường H sang vỉa hè phía Nam; trong đó T3, N, T ôm 03 thùng vỏ chai bia cùng Đỗ Quốc B1, T8, B, L3 và T2 lấy vỏ chai bia trong thùng chạy dọc theo vỉa hè phía Nam đường H để ném và làm hung khí đuổi đánh anh N7 và B; vừa đuổi theo và la hét, hô to: “Bắt nó lại, bắt nó lại”.

Nhóm thứ hai gồm: Đặng Văn M1, Võ Đức N4 không chạy bộ đuổi theo ở vỉa hè phía Nam đường H mà M1 điều khiển xe mô tô 76B1 - 723.12 và N4 điều khiển xe mô tô biển số 76B1-673.73 chạy lên hướng Tây đường H với mục đích đón đầu hướng chạy của N7 và B. N1 và T chạy bộ đuổi theo được một đoạn nhưng không kịp nên quay lại, N1 lấy xe mô tô biển số 76B1-569.44, T lấy xe mô tô biển số 76X8-1941 chạy lên hướng Tây đi theo M1 và N4 để chặn đầu.

B trốn trong cống gần bờ sông T, còn N7 bỏ chạy theo hướng Tây trên đường đất sát bờ sông, bị nhóm của T3 đuổi được một đoạn đường khoảng 300 mét thì N7 nhảy xuống sông. Trương Thái B2 nhìn thấy hô hào cả nhóm tập trung đứng ở vỉa hè phía Nam đường H, lúc này N7 nói lớn: “Em không biết bơi, mấy anh tha cho em” thì Tống cười đồ, nhảy xuống đường bê tông để cứu nhưng N7 đã chìm sau đó, nhóm của T3 thấy N7 chìm nên đã bỏ về và không kể cho ai biết về sự việc trên.

Sau khi nhóm T3 bỏ đi, anh Nguyễn Hữu B4 và anh Tôn Văn H7 đi tìm anh N7 nhưng không thấy nên đến trình báo Công an xã T. Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an tpQuảng Ngãi tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, đồng thời phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC cứu nạn và cứu hộ Công an tỉnh Q truy tìm anh Nguyễn Hà N7. Đến sáng ngày 21/01/2023, đã tìm thấy xác anh N7 gần khu vực hiện trường.

Ngày 30/01/2023, Trung tâm pháp y tỉnh Q có Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 18/TT, kết luận: Nguyên nhân Nguyễn Hà N7 chết là do ngạt nước.

Ngày 23/4/2023 Phòng K2 Công an tỉnh có bản Kết luận giám định số 319/KL-KTHS: trích xuất camera thu tại hiện trường thể hiện nhóm Huỳnh Thanh T3 đuổi đánh hai thanh niên tại đường H thuộc thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 20/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Đỗ Văn N, Huỳnh Thanh T3, Trương T4, Huỳnh Tấn B, Hồ Thanh T1, Nguyễn Hải Ngọc L3, Võ Đức N4, Trần Trương Văn T8, Võ Quốc T2, Hồ Thanh V, Đặng Văn M1, Nguyễn Hữu N1 phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.1 Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 12 (Mười hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 406/2022/HSPT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng về tội “Gây rối trật tự công cộng”, buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 13 (Mười ba) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 21/01/2023), được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/4/2020 đến ngày 04/5/2020 (thời gian tạm giữ tại Bản án số 406/2022/HSPT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng).

1.2 Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn N 12 (Mười hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 28/2022/HSST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về tội “Gây rối trật tự công cộng”, buộc bị cáo Đỗ Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 21/01/2023), được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/4/2020 đến ngày 04/5/2020 (thời gian tạm giữ tại Bản án số 28/2022/HSST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi).

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.3 Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thanh T3** 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 21/01/2023).

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.4 Xử phạt: Bị cáo **Trương T4** 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/7/2024), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

1.5 Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Tấn B (T14)** 08 (T14) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/7/2024), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 19/01/2024.

1.6 Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Quốc B1** 07 (B5) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/7/2024), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.7 Xử phạt: Bị cáo **Trương Thái B2** 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 21/01/2023).

1.8 Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thanh T1** 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 21/01/2023).

1.9 Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hải Ngọc L3** 07 (B5) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/7/2024), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 19/01/2024.

1.10 Xử phạt: Bị cáo **Võ Đức N4** 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/7/2024), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.11 Xử phạt: Bị cáo **Trần Trương Văn T8** 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 08/6/2023.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.12 Xử phạt: Bị cáo **Võ Quốc T2 07 (B5)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/7/2024), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.13 Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thanh V 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.14 Xử phạt: Bị cáo **Đặng Văn M1 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

1.15 Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu N1 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bắt tạm giam các bị cáo **Trương T4, Huỳnh Tấn B, Đỗ Quốc B1, Nguyễn Hải Ngọc L3, Võ Đức N4, Võ Quốc T2** tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 586; Điều 587; Điều 591 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo **Trần Văn T, Đỗ Văn N, Trương T4, Huỳnh Tấn B, Huỳnh Thanh T3, Đỗ Quốc B1, Hồ Thanh T1, Hồ Thanh V, Đặng Văn M1, Nguyễn Hải Ngọc L3, Võ Đức N4, Trần Trương Văn T8, Nguyễn Hữu N1, Võ Quốc T2, Trương Thái B2** mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông **Nguyễn Y** và bà **Phan Thị Kim L8** số tiền 20.933.300 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền: 205.000.000 đồng mà gia đình các bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 18/3/2024 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q**).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng mà gia đình bị cáo **Võ Quốc T2** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002464 ngày 13/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/7/2024, bị cáo **Đỗ Văn N** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/7/2024, bị cáo **Trần Văn T** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/7/2024, bị cáo **Hồ Thanh V** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 31/7/2024, bị cáo **Nguyễn Hữu N1** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 02/8/2024, các bị cáo **Hồ Thanh T1**, **Võ Quốc T2** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/8/2024, bị cáo **Huỳnh Tấn B** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/8/2024, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà **Phan Thị Kim L8** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, tăng hình phạt và tăng mức bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà **Phan Thị Kim L8** đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo **Hồ Thanh V** và **Nguyễn Hữu N1** và yêu cầu các bị cáo bồi thường 943.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

- *Về nội dung*: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự là đã áp dụng đầy đủ các quy định về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo đã phù hợp. Đối với trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các thiệt hại phải bồi thường trong trường hợp tính mạng bị xâm hại theo quy định tại Điều 591 Bộ luật Dân sự, mức bồi thường thiệt hại là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có nộp chứng cứ cho rằng là tình tiết mới nhưng cấp sơ thẩm đã xem xét và vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra là phù hợp không nặng, đại diện hợp pháp của bị hại không có chứng cứ gì mới đối với yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại, tăng hình phạt đối với bị cáo **V**, **N1**. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, gia đình bị cáo **Võ Quốc T2** có nộp xác nhận mối quan hệ nhân thân có ông nội là **Võ Xuân B6** được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. **UBND xã B** có xác nhận ông **Võ T15** là người có công giúp đỡ cách mạng (Huân chương kháng chiến hạng Ba) là ông cố nội của bị cáo. **UBND xã T** xác nhận ông **Nguyễn M2** được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba là ông ngoại của bị cáo. **UBND xã B** có xác nhận ông **Võ Xuân H1** cha của bị cáo là Thuyền trưởng tàu cá QNg-90079-TS năm 2013 được tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác tìm kiếm, cứu hộ 17 thuyền viên trên tàu BTh-96996-TS bị nạn trên biển. Năm 1994, ông **Võ Xuân H1** Thuyền trưởng tàu cá QNg-0828-TS đã cứu vớt được 04 người còn sống trôi dạt 24 ngày đêm trên biển.

Tại các Biên lai thu số 0003161; 0003163; 0003156; 0003155; 0003169; 0002013; 0003159; 0002006; 0002010; 0003165 ngày 23/9/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi mỗi (gia đình) bị cáo **Huỳnh Tân B, Hồ Thanh T1, Trần Văn T, Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Hữu N1, Đặng Văn M1, Trương T4, Nguyễn Hải Ngọc L3, Võ Đức N4, Trần Trương Văn T8** nộp 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Tại các Biên lai thu số 0003170; 0002014; 0003158; 0003160; 0002007; 0002011; 0003164 ngày 23/9/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi mỗi (gia đình) bị cáo **Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Hữu N1, Đặng Văn M1, Trương T4, Nguyễn Hải Ngọc L3, Võ Đức N4, Trần Trương Văn T8** nộp 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại.

Tại các Biên lai thu số 0003173; 0003174 ngày 24/9/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi gia đình bị cáo **Đỗ Văn N** nộp 5.933.300 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm; được Trưởng thôn xác nhận vào Đơn xin xác nhận gia đình hoàn cảnh khó khăn.

Bị cáo **Hồ Thanh V** có nộp Biên lai thu tiền số 0003175; 0003176 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi 5.933.300 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn nộp giấy gia đình cho công với cách mạng như có ông ngoại ruột **Trần C2** được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, ông ngoại họ **Trần H8** là Liệt sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ông ngoại họ **Ngô Văn X1** được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Ba; ông **Ngô Bình bà Nguyễn Thị L9** được tặng Bằng gia đình vẻ vang chống Mỹ cứu nước.

Gia đình bị cáo **Đỗ Quốc B1** có nộp Biên lai thu tiền số 0002008; 0002009 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bà **Lê Thị Kim Á** (mẹ bị cáo **B1**) còn nộp đơn trình bày gia đình cho công với cách

mạng như bà nội bị cáo là bà **Đỗ Thị H9** tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Bị cáo **Trương T4**, **Nguyễn Hải Ngọc L3** được xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo trình bày tại cấp phúc thẩm, giữ nguyên các lời trình bày tại giai đoạn tố tụng trước. Các bị cáo trình bày, thể hiện thái độ ăn năn hối cải với hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa thống nhất về tội danh. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến vụ án có phần lỗi của bị hại xuất phát từ việc đi đòi nợ thuê, ngoài ra theo Án lệ số 17 của HĐTP và các tình tiết vụ án thì các bị cáo phạm tội “*Giết người*” có phần lỗi của bị hại nên không áp dụng tình tiết có tính chất côn đồ tại quy định điểm n khoản 1 Điều 143 BLHS mà chỉ cần áp dụng khoản 2 Điều 123 BLHS để xử lý các bị cáo là phù hợp, mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm có nhiều tình tiết mới do hầu hết các bị cáo cùng gia đình đã nộp án phí và khắc phục một phần hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 BLHS xử các bị cáo dưới khung liên kề là phù hợp, gián tiếp xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Căn cứ vào việc các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đại diện hợp pháp cho bị hại là bà **Phan Thị Kim L8** và Luật sư nộp bảng kê yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm là 943.000.000 đồng và đơn xác nhận bị cáo có thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng để trang trải cuộc sống và phụ tiền thuốc, chữa bệnh cho cha. Ngoài ra, bà **L8** còn nộp bảng kê chi phí lo ma chay cho bị hại là 120.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại là bà **Phan Thị Kim L8** thì thấy:

[1.1] Về tội danh: Vào tối ngày 19/01/2023, mặc dù không có mâu thuẫn gì nhưng các bị cáo **Trần Văn T**, **Đỗ Văn N**, **Trương T4**, **Huỳnh Tấn B**, **Đỗ Quốc B1**, **Trương Thái B2**, **Hồ Thanh T1**, **Hồ Thanh V**, **Nguyễn Hải Ngọc L3**, **Võ Đức N4**, **Trần Trương Văn T8**, **Võ Quốc T2**, **Nguyễn Hữu N1** và **Đặng Văn M1** đồng ý tham gia cùng **Huỳnh Thanh T3** đi đánh nhóm **Nguyễn Hà N7**, **Nguyễn Hữu B4**. Tại ngã ba đường H thuộc xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi các bị cáo đã chuẩn bị hung khí là 03 thùng vỏ chai bia nhãn hiệu “Bia Việt” để ném và đuổi đánh anh **Nguyễn Hà N7** và anh **Nguyễn Hữu B4**. Sự truy đuổi của các bị cáo đã

khiến anh **Nguyễn Hà N7** hoảng sợ nhảy xuống **sông T**. Bị cáo **T2** có hành vi nhảy từ trên đường xuống bờ sông định cứu vớt nhưng khi đó anh **N7** đã chìm nên **T2** không xuống cứu anh **N7** nữa. Các bị cáo đã mặc kệ, không cứu giúp **N7**, cũng không tìm người dân ở gần đó cứu giúp hoặc báo chính quyền địa phương biết mà cả nhóm đã bỏ đi về. Hậu quả dẫn đến anh **Nguyễn Hà N7** chết do ngạt nước. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo chưa có sự cấu kết chặt chẽ nhưng có sự trao đổi và tìm hung khí để sử dụng, nên cùng chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất côn đồ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

[2] Xét về nhân thân, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo có kháng cáo thì thấy: Các bị cáo **Võ Quốc T2**, **Trần Văn T**, **Đỗ Văn N**, **Hồ Thanh T1** có nhân thân xấu, đã từng bị kết án hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính. Trong vụ án này, bị cáo **Huỳnh Thanh T3** người khởi xướng, xúi giục các bị cáo khác phạm tội; bị cáo trực tiếp truy đuổi và dùng vỏ chai bia ném về phía bị hại; hành vi phạm tội của bị cáo **T3** có tính nguy hiểm nhất. Đối với các bị cáo khác có vai trò đều là người giúp sức cho **T3** và trực tiếp tham gia truy đuổi bị hại. Trong đó các bị cáo **Đặng Văn M1**, **Hồ Thanh V**, **Nguyễn Hữu N1** có vai trò không đáng kể, bị cáo **Hồ Thanh V** chạy sau cùng, không tác động nhiều đến việc truy đuổi bị hại, bị cáo **M1** và **N1** điều khiển xe mô tô hết con lươn rồi quay đầu lại vị trí tập trung nhưng lúc này bị hại **N7** đã chìm xuống sông.

Trong vụ án này, bị cáo **Huỳnh Thanh T3** xúi giục bị cáo **Trần Trương Văn T8** là người dưới 18 tuổi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo **Trần Văn T**, **Đỗ Văn N** đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “Tái phạm”, phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo đều được hưởng. Đối với bị cáo **Huỳnh Tấn B**, **Trương T4**, **Đỗ Quốc B1** có cha là người có công với cách mạng; bị cáo **Đặng Văn M1**, **Đỗ Quốc B1**, **Huỳnh Thanh T3**, **Hồ Thanh V** từng thực hiện nghĩa vụ quân sự; bị cáo **Nguyễn Hữu N1** được tặng thưởng nhiều Giấy khen trong công tác phòng chống dịch trên địa bàn; bị cáo **Võ Quốc T2** có cha được tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác tìm kiếm, cứu nạn; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được áp dụng cho các

bị cáo. Các bị cáo [Trương T4](#), [Trương Thái B2](#), [Võ Đức N4](#), [Huỳnh Tấn B](#), [Đỗ Quốc B1](#), [Hồ Thanh T1](#), [Nguyễn Hải Ngọc L3](#), [Trần Trương Văn T8](#), [Võ Quốc T2](#) được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; các bị cáo [Đặng Văn M1](#), [Hồ Thanh V](#), [Nguyễn Hữu N1](#) có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu là người giúp sức có vai trò không đáng kể nên được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo [Trần Trương Văn T8](#) là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 phạm tội nên được áp dụng quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự để cho hưởng mức hình phạt thấp hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, gia đình bị cáo [Võ Quốc T2](#) có nộp xác nhận mối quan hệ nhân thân có ông nội là [Võ Xuân B6](#) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. [UBND xã B](#) có xác nhận ông [Võ T15](#) là người có công giúp đỡ cách mạng (Huân chương kháng chiến hạng Ba) là ông cố nội của bị cáo. [UBND xã T](#) xác nhận ông [Nguyễn M2](#) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba là ông ngoại của bị cáo. [UBND xã B](#) có xác nhận ông [Võ Xuân H1](#) cha của bị cáo là Thuyền trưởng tàu cá QNg-90079-TS năm 2013 được tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác tìm kiếm, cứu hộ 17 thuyền viên trên tàu BTh-96996-TS bị nạn trên biển. Năm 1994, ông [Võ Xuân H1](#) Thuyền trưởng tàu cá QNg-0828-TS đã cứu vớt được 04 người còn sống trôi dạt 24 ngày đêm trên biển.

Tại các Biên lai thu số 0003161; 0003163; 0003156; 0003155; 0003169; 0002013; 0003159; 0002006; 0002010; 0003165 ngày 23/9/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi mỗi (gia đình) bị cáo [Huỳnh Tấn B](#), [Hồ Thanh T1](#), [Trần Văn T](#), [Huỳnh Thanh T3](#), [Nguyễn Hữu N1](#), [Đặng Văn M1](#), [Trương T4](#), [Nguyễn Hải Ngọc L3](#), [Võ Đức N4](#), [Trần Trương Văn T8](#) nộp 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Tại các Biên lai thu số 0003170; 0002014; 0003158; 0003160; 0002007; 0002011; 0003164 ngày 23/9/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi mỗi (gia đình) bị cáo [Huỳnh Thanh T3](#), [Nguyễn Hữu N1](#), [Đặng Văn M1](#), [Trương T4](#), [Nguyễn Hải Ngọc L3](#), [Võ Đức N4](#), [Trần Trương Văn T8](#) nộp 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại.

Tại các Biên lai thu số 0003173; 0003174 ngày 24/9/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi gia đình bị cáo [Đỗ Văn N](#) nộp 5.933.300 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm; được Trưởng thôn xác nhận vào Đơn xin xác nhận gia đình hoàn cảnh khó khăn;

Bị cáo [Hồ Thanh V](#) có nộp Biên lai thu tiền số 0003175; 0003176 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi 5.933.300 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn nộp giấy gia đình cho công với cách mạng như có ông ngoại ruột [Trần C2](#) được

tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, ông ngoại họ [Trần H8](#) là Liệt sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ông ngoại họ [Ngô Văn X1](#) được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Ba; ông [Ngô Bình](#) và [Nguyễn Thị L9](#) được tặng Bằng gia đình vẻ vang chống Mỹ cứu nước.

Gia đình bị cáo [Đỗ Quốc B1](#) có nộp Biên lai thu tiền số 0002008; 0002009 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bà [Lê Thị Kim Á](#) (mẹ bị cáo [B1](#)) còn nộp đơn trình bày gia đình cho công với cách mạng như bà nội bị cáo là bà [Đỗ Thị H9](#) tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Bị cáo [Trương T4](#), [Nguyễn Hải Ngọc L3](#) được xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đây là các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xem xét và vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra là phù hợp không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Về dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại là bà [Phan Thị Kim L8](#) yêu cầu các bị cáo bồi thường với tổng số tiền 1.070.000.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng). Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận tổng cộng số tiền được bồi thường là 314.000.000 đồng, gồm các khoản: Chi phí xe đi lại phù hợp với thực tế được chấp nhận là 20.000.000 đồng; chi phí hợp lý cho việc mai táng phù hợp với thực tế và tập quán địa phương được chấp nhận là 60.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 234.000.000 đồng (tương đương 100 tháng lương cơ sở).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện hợp pháp của bị hại là bà [Phan Thị Kim L8](#) và Luật sư tiếp tục nộp bảng kê yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại 943.000.000 đồng và đơn xác nhận bị cáo có thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng để trang trải cuộc sống và phụ tiền thuốc, chữa bệnh cho cha. Ngoài ra, bà [L8](#) còn nộp bảng kê chi phí lo ma chay cho bị hại là 120.300.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh mức độ thiệt hại, không đưa ra được các căn cứ pháp lý cho các khoản yêu cầu khác không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Đối với số tiền gia đình các bị cáo đã nộp án phí HSST và án phí DSST, cũng như tiền bồi thường thiệt hại đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn phúc thẩm, sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án dân sự nếu cung cấp đầy đủ chứng từ.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn T**, **Đỗ Văn N**, **Huỳnh Tấn B**, **Hồ Thanh T1**, **Võ Quốc T2**, **Hồ Thanh V**, **Nguyễn Hữu N1** và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là bà **Phan Thị Kim L8**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thanh T3** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T** 12 (mười hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 406/2022/HSPT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo **Trần Văn T** phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/4/2020 đến ngày 04/5/2020 (thời gian tạm giữ tại Bản án số 406/2022/HSPT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

+ Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Văn N** 12 (mười hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 28/2022/HSST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, buộc bị cáo **Đỗ Văn N** phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/4/2020 đến ngày 04/5/2020 (thời gian tạm giữ tại Bản án số 28/2022/HSST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi).

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo **Trương T4 10** (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

+ Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Tấn B 08** (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 19/01/2024.

+ Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Quốc B1 07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo **Trương Thái B2 09** (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

+ Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thanh T1 09** (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

+ Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hải Ngọc L3 07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 19/01/2024.

+ Xử phạt: Bị cáo **Võ Đức N4 09** (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Quốc T2 07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2024, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Trương Văn T8 04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 08/6/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thanh V 04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo **Đặng Văn M1 04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/12/2023.

+ Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu N1 04** (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

2. Về án phí. Các bị cáo **Trần Văn T, Đỗ Văn N, Huỳnh Tấn B, Hồ Thanh T1, Võ Quốc T2, Hồ Thanh V, Nguyễn Hữu N1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm. Bà **Phan Thị Kim L8** không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (17);
- Công an tỉnh Quảng Ngãi (03);
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Công an huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Tịnh Châu, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Tồn

